

Câu 54: Este no, đơn chức, mạch hở có công thức phân tử chung là:

- A. $C_nH_{2n} + 2O_2 (n \geq 2)$ **B. $C_nH_{2n}O_2 (n \geq 2)$.** C. $C_nH_{2n}O (n \geq 3)$ D. $C_nH_{2n} + 2O (n \geq 3)$

Câu 55: Phản ứng nào sau đây là không đúng?

- A. $BaO + CO_2 \rightarrow BaCO_3$ B. $2Na + 2H_2O \rightarrow 2NaOH + H_2$
C. **$FeCl_2 + Na_2SO_4 \rightarrow FeSO_4 + 2NaCl$** D. $2Al + 3Cl_2 \rightarrow 2AlCl_3$

Câu 56: Cho các phương trình ion rút gọn sau:

- a) $Cu^{2+} + Fe \rightarrow Fe^{2+} + Cu$; b) $Cu + 2Fe^{3+} \rightarrow 2Fe^{2+} + Cu^{2+}$; c) $Fe^{2+} + Mg \rightarrow Mg^{2+} + Fe$

Nhận xét đúng là:

- A. Tính khử của: $Mg > Fe > Fe^{2+} > Cu$
B. Tính khử của: $Mg > Fe^{2+} > Cu > Fe$
C. Tính oxi hóa của: $Cu^{2+} > Fe^{3+} > Fe^{2+} > Mg^{2+}$
D. **Tính oxi hóa của: $Fe^{3+} > Cu^{2+} > Fe^{2+} > Mg^{2+}$**

Câu 57: Có 5 lọ đựng riêng biệt các khí sau: N_2 , NH_3 , Cl_2 , CO_2 , O_2 . Để xác định lọ đựng khí NH_3 và Cl_2 chỉ cần dùng thuốc thử duy nhất là

- A. dung dịch $BaCl_2$. B. dung dịch HCl . C. dd $Ca(OH)_2$. **D. quì tím ẩm.**

Câu 58: Trong số các polime: Xenlulozo, PVC, amilopectin. Chất có mạch phân nhánh là:

- A. amilopectin** B. PVC
C. Xenlulozo D. Xenlulozo và amilopectin

Câu 59: Chỉ dùng một thuốc thử duy nhất nào sau đây để phân biệt hai khí SO_2 và CO_2 ?

- A. dd $Ba(OH)_2$. **B. dd Br_2 .** C. dd $NaOH$. D. H_2O .

Câu 60: Tripeptit là hợp chất mà phân tử có

- A. hai liên kết peptit, ba gốc β -aminoaxit. **B. hai liên kết peptit, ba gốc α -aminoaxit.**
C. ba liên kết peptit, hai gốc α -aminoaxit. D. ba liên kết peptit, ba gốc α -aminoaxit.

Câu 61: Để phân biệt các dung dịch riêng biệt: $Al(NO_3)_3$, $FeCl_3$, KCl , $MgCl_2$, có thể dùng dung dịch:

- A. HCl . B. HNO_3 . C. Na_2SO_4 . **D. $NaOH$.**

Câu 62: Cho dung dịch $NaOH$ (dư) vào dung dịch chứa hỗn hợp $FeCl_2$ và $CrCl_3$, thu được kết tủa X. Nung X trong không khí đến khối lượng không đổi thu được chất rắn Y. Vậy Y là

- A. FeO . B. Fe_2O_3 và Cr_2O_3 . **C. Fe_2O_3 .** D. CrO_3 .

Câu 63: Cho các phát biểu sau:

- (1) Trong các phân tử amin, nhất thiết phải chứa nguyên tố nitơ.

Truy cập website: hoc360.net để tải tài liệu đề thi miễn phí

(2) Các amin chứa từ 1C đến 4C đều là chất khí ở điều kiện thường.

(3) Trong phân tử dipeptit mạch hở có chứa hai liên kết peptit.

(4) Trong phân tử metylamoni clorua, cộng hóa trị của nitơ là IV.

(5) Dung dịch anilin làm mất màu nước brom.

Những phát biểu đúng là:

A. (1), (3), (5)

B. (2), (4), (5)

C. (1), (2), (3)

D. (1), (4), (5)

Câu 64: Sắp xếp theo chiều độ tăng dần tính axit của các chất: HCOOH (1), CH₃COOH (2), C₆H₅OH (phenol), (3) lần lượt là

A. (3) < (1) < (2)

B. (3) < (2) < (1)

C. (2) < (1) < (3)

D. (2) < (3) < (1)

Câu 65: Phương pháp điều chế NaOH trong công nghiệp là:

A. Cho Na₂O vào nước.

B. Điện phân dung dịch NaCl bằng dòng điện một chiều có màng ngăn

C. Cho dung dịch Na₂CO₃ tác dụng với dung dịch Ba(OH)₂.

D. Cho Na vào H₂O

Câu 66: Cho từ từ đến dư kim loại Na vào dung dịch có chứa muối FeCl₃. Số phản ứng xảy ra là:

A. 4

B. 2

C. 3

D. 5

Câu 67: X là kim loại phản ứng được với dung dịch H₂SO₄ loãng, Y là kim loại tác dụng được với dung dịch Fe(NO₃)₃. Hai kim loại X, Y lần lượt là:

A. Ag, Mg

B. Cu, Fe

C. Fe, Cu

D. Mg, Ag

Câu 68: Có bao nhiêu phản ứng hóa học có thể xảy ra khi cho các đồng phân đơn chức của C₂H₄O₂ tác dụng lần lượt với từng chất: Na, NaOH, NaHCO₃?

A. 5

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 69: Cho các dung dịch: X₁: dung dịch HCl X₂: dung dịch KNO₃ X₃: dung dịch Fe₂(SO₄)₃.

Dung dịch nào có thể hoà tan được bột Cu:

A. X₁, X₂, X₃

B. X₂, X₃

C. X₃

D. X₁, X₂

Câu 70: Một loại nước cứng khi đun sôi thì mất tính cứng. Trong loại nước cứng này có hòa tan những chất nào sau đây?

A. Ca(HCO₃)₂, MgCl₂.

B. Mg(HCO₃)₂, CaCl₂.

C. Ca(HCO₃)₂, Mg(HCO₃)₂.

D. CaSO₄, MgCl₂.

Câu 71: Có các thí nghiệm sau

(a) Cho kim loại Na vào dung dịch CuSO₄;

Truy cập website: hoc360.net để tải tài liệu đề thi miễn phí

(b) Sục CO_2 đến dư vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$;

(c) Cho từ từ dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$;

(d) Cho từ từ dung dịch NaOH đến dư vào dung dịch FeCl_3 ;

Sau khi kết thúc các phản ứng, số thí nghiệm thu được kết tủa là

A. 1

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 72: Chất không có khả năng hòa tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$ là

A. axit axetic.

B. Ala-Ala-Gly.

C. glucozơ.

D. Phenol.

Câu 73: Cho hỗn hợp X gồm Fe_3O_4 , Cu vào dung dịch HCl dư thấy còn một phần chất rắn chưa tan. Vậy các chất tan trong dung dịch sau phản ứng là:

A. FeCl_3 , FeCl_2 , HCl

B. FeCl_3 , FeCl_2 , CuCl_2

C. FeCl_2 , CuCl_2 , HCl

D. FeCl_3 , CuCl_2 , HCl

Câu 74: Cho dãy các chất: Al , Al_2O_3 , AlCl_3 , $\text{Al}(\text{OH})_3$. Số chất trong dãy vừa phản ứng được với dung dịch NaOH , vừa phản ứng được với dung dịch HCl là:

A. 4.

B. 2.

C. 1.

D. 3.

Câu 75: Xenlulozơ có cấu tạo mạch không phân nhánh, mỗi gốc $\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5$ có 3 nhóm $-\text{OH}$, nên có thể viết

A. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$.

B. $[\text{C}_6\text{H}_5\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$.

C. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_3(\text{OH})_2]_n$.

D. $[\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$.

----- HẾT -----